

BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG
CỤC BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU

**CÁC CHÍNH SÁCH HIỆN HÀNH VỀ
GIẢM NHẹ PHÁT THẢI KHÍ NHÀ KÍNH**

Trần Hà Ninh

Phòng Quản lý phát thải khí nhà kính và Bảo vệ tầng ô-dôn

NỘI DUNG

- A. Chính sách trong nước về giảm nhẹ phát thải khí nhà kính**
- B. Một số khuyến nghị đối với các doanh nghiệp**
- C. Kết luận**

+
0

A. CHÍNH SÁCH VỀ GIẢM NHẸ PHÁT THẢI KHÍ NHÀ KÍNH TẠI VIỆT NAM

+
0

VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

LUẬT BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG 2020

Nghị định 06/2022/NĐ-CP & Nghị
định 119/2025.NĐ-CP

Quyết định 13/2024/QĐ-TTg (thay
thế Quyết định số 01/2022/QĐ-
TTg)

Thông tư 01/2022/TT-BTNMT /
Thông tư 08/2025/TT-BNNMT

Thông tư 17/2022/TT-BTNMT (chất thải);
Thông tư 38/2023/TT-BCT (Công Thương);
Thông tư 19/2024/TT-BNNPTNT (chăn
nuôi); Thông tư số 13/2024/TT-BXD (xây
dựng); Thông tư 63/2024/TT-BGTVT (GTVT)

VĂN BẢN CHỈ ĐẠO, ĐIỀU HÀNH

Cam kết net-zero COP26 (2021)

Quyết định 888/QĐ-TTg Đề án nhiệm vụ, giải pháp
thực hiện kết quả COP26 (2022)

Quyết định 896/QĐ-TTg Chiến lược quốc gia về
ĐCKH giai đoạn đến năm 2050 (2022)

Quyết định 942/QĐ-TTg Kế hoạch hành động giảm
phát thải khí **mê tan** đến 2030 (2022)

Quyết định số 993/QĐ-TTg ngày 24/8/2023 phê
duyet Kế hoạch quốc gia triển khai Tuyên bố
Glasgow về rừng và sử dụng đất đến năm 2030

LUẬT BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG 2020

CHƯƠNG VII. ỨNG PHÓ VỚI BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU

Điều 91. Giảm nhẹ phát thải khí nhà kính

7. Cơ sở phát thải khí nhà kính thuộc danh mục phải thực hiện kiểm kê khí nhà kính có trách nhiệm sau đây:

a) Tổ chức thực hiện kiểm kê khí nhà kính, xây dựng và duy trì hệ thống cơ sở dữ liệu phát thải khí nhà kính và gửi kết quả kiểm kê khí nhà kính định kỳ 02 năm một lần đến Bộ Tài nguyên và Môi trường trước ngày 01 tháng 12 của kỳ báo cáo để tổng hợp, báo cáo Thủ tướng Chính phủ;

b) Xây dựng, thực hiện kế hoạch giảm nhẹ phát thải khí nhà kính hằng năm; thực hiện lồng ghép hoạt động giảm nhẹ phát thải khí nhà kính với chương trình quản lý chất lượng, chương trình sản xuất sạch hơn, chương trình bảo vệ môi trường của cơ sở;

c) Hằng năm, lập báo cáo mức giảm phát thải khí nhà kính để thực hiện kế hoạch giảm nhẹ phát thải khí nhà kính của cơ sở theo hệ thống đo đạc, báo cáo, thẩm định gửi Bộ Tài nguyên và Môi trường và các Bộ, cơ quan ngang Bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có liên quan trước ngày 31 tháng 12 của kỳ báo cáo.



Nghị định số 06/2022/NĐ-CP quy định giảm nhẹ phát thải khí nhà kính và bảo vệ tầng ô-dôn



Chương I. Quy định chung

Chương II. Giảm nhẹ phát thải khí nhà kính, Tổ chức và phát triển thị trường các-bon trong nước

- Mục 1. Giảm nhẹ phát thải khí nhà kính
- Mục 2. Tổ chức và phát triển thị trường các-bon trong nước

Chương III. Bảo vệ tầng ô-dôn

Chương IV. Các biện pháp thúc đẩy hoạt động về giảm nhẹ phát thải khí nhà kính và bảo vệ tầng ô-dôn

Chương XIV. Điều khoản thi hành

Phụ lục

Tổng quan về Nghị định 119/2025/NĐ-CP

1

- Ban hành ngày 09/6/2025;
- Hiệu lực từ ngày 01/8/2025

2

Bao gồm: 03 Điều, 30 khoản
Cập nhật tên mới của các Bộ quản lý
sau khi sáp nhập

3

Sửa đổi, bổ sung các Điều (25 Điều):
2,3,7,8,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19,20,20
a (bổ sung), 21,22,24,25,26,27,28,29,33

CHÍNH PHỦ

Số: 119/2025/NĐ-CP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 09 tháng 6 năm 2025

NGHỊ ĐỊNH

Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 06/2022/NĐ-CP
ngày 07 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định giảm nhẹ phát thải
khí nhà kính và bảo vệ tầng ô-dôn

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 18 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường;

Chính phủ ban hành Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 06/2022/NĐ-CP ngày 07 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định giảm nhẹ phát thải khí nhà kính và bảo vệ tầng ô-dôn.

Ủy ban nhân dân cấp Tỉnh – Báo cáo giảm nhẹ

STT	Nội dung	Nghị định số 06/2022/NĐ-CP	Nghị định số 119/2025/NĐ-CP
1	Tại điểm a, Khoản 5, Điều 9: Hệ thống quốc gia đo đạc, báo cáo, thẩm định giảm nhẹ phát thải KNK	a) Kiểm tra, giám sát việc thực hiện kế hoạch giảm nhẹ phát thải khí nhà kính và tuân thủ các quy định về đo đạc, báo cáo, thẩm định giảm nhẹ phát thải khí nhà kính của các cơ sở quy định tại khoản 1 Điều 5 Nghị định này trên địa bàn quản lý;	“a) Kiểm tra, giám sát việc tuân thủ các quy định về đo đạc, báo cáo, thẩm định giảm nhẹ phát thải khí nhà kính của các cơ sở quy định tại khoản 1 Điều 5 Nghị định này trên địa bàn quản lý;”
2	Tại Khoản 3, Điều 10: Báo cáo giảm nhẹ phát thải KNK	Các cơ sở quy định tại khoản 1 Điều 5 Nghị định này xây dựng báo cáo giảm nhẹ phát thải khí nhà kính cấp cơ sở định kỳ hằng năm của năm trước kỳ báo cáo theo Mẫu số 02 Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định này, gửi Bộ Tài nguyên và Môi trường, các bộ quy định tại khoản 2 Điều 5 Nghị định này và cơ quan chuyên môn trực thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có liên quan trước ngày 31 tháng 3 kể từ năm 2027	a) Các cơ sở quy định tại khoản 1 Điều 5 Nghị định này xây dựng báo cáo giảm nhẹ phát thải khí nhà kính cấp cơ sở định kỳ hằng năm của năm trước kỳ báo cáo theo Mẫu số 02 Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định này, gửi Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có liên quan trước ngày 31 tháng 3 kể từ năm 2027 b) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tiếp nhận, rà soát và tổng hợp kết quả giảm nhẹ phát thải khí nhà kính của các cơ sở quy định tại khoản 1 Điều 5 Nghị định này gửi Bộ Nông nghiệp và Môi trường trước ngày 30 tháng 6 hàng năm kể từ năm 2027;

Ủy ban nhân dân cấp Tỉnh–Thẩm định kết quả kiểm kê KNK

STT	Nội dung	Nghị định số 06/2022/NĐ-CP	Nghị định số 119/2025/NĐ-CP
3	Tại Khoản 6, Điều 11: Thẩm định kết quả kiểm kê KNK	Thẩm định kết quả kiểm kê khí nhà kính cấp cơ sở cho năm 2024 trở đi do cơ quan chuyên môn có liên quan trực thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện theo quy trình thẩm định Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành.	“6. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tiếp nhận, rà soát và tổng hợp kết quả kiểm kê khí nhà kính của các cơ sở quy định tại khoản 1 Điều 5 Nghị định này trên địa bàn quản lý gửi Bộ Nông nghiệp và Môi trường, các bộ quản lý lĩnh vực trước ngày 30 tháng 6 kể từ năm 2025.”
4	Tại Khoản 6, Điều 11: Thẩm định kết quả kiểm kê KNK Đối với Cơ sở được phân bổ hạn ngạch		“6a. Thẩm định kết quả kiểm kê khí nhà kính các cơ sở được phân bổ hạn ngạch quy định tại điểm c, điểm d khoản 4 Điều này do đơn vị quy định tại Điều 14 Nghị định này thực hiện. Cơ sở được phân bổ hạn ngạch gửi Bộ Nông nghiệp và Môi trường báo cáo kết quả kiểm kê khí nhà kính đã được thẩm định trước ngày 01 tháng 12 kể từ năm 2027.”

Ủy ban nhân dân cấp Tỉnh - Kiểm tra, giám sát giảm nhẹ

STT	Nội dung	Nghị định số 06/2022/NĐ-CP	Nghị định số 119/2025/NĐ-CP
5	Trách nhiệm Kiểm tra, giám sát hoạt động giảm nhẹ phát thải KNK Tại Khoản 3, Điều 15	3. Cơ quan chuyên môn trực thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có liên quan phối hợp với các bộ quy định tại khoản 2 Điều 5 Nghị định này kiểm tra, giám sát hoạt động giảm nhẹ phát thải khí nhà kính của các cơ sở quy định tại khoản 1 Điều 5 Nghị định này trên địa bàn quản lý.	“3. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có liên quan phối hợp với các bộ quy định tại khoản 2 Điều 5 Nghị định này kiểm tra, giám sát hoạt động giảm nhẹ phát thải khí nhà kính của các cơ sở quy định tại khoản 1 Điều 5 Nghị định này trên địa bàn quản lý.”

Đối với Cơ sở phát thải – Mục tiêu, lộ trình giảm nhẹ

STT	Nội dung	Nghị định số 06/2022/NĐ-CP	Nghị định số 119/2025/NĐ-CP
1	Tại Khoản 4, Điều 7 Mục tiêu, lộ trình và Phương thức giảm nhẹ phát thải KNK	b) Giai đoạn từ năm 2026 đến hết năm 2030, thực hiện kiểm kê khí nhà kính, xây dựng và thực hiện kế hoạch giảm nhẹ phát thải khí nhà kính theo hạn ngạch do Bộ Tài nguyên và Môi trường phân bổ phù hợp với mục tiêu giảm nhẹ phát thải khí nhà kính; được phép trao đổi, mua bán hạn ngạch phát thải khí nhà kính và tín chỉ các-bon trên sàn giao dịch tín chỉ các-bon.	b) Giai đoạn từ năm 2025 đến hết năm 2030, các cơ sở được phân bổ hạn ngạch phát thải khí nhà kính có trách nhiệm xây dựng, thực hiện các biện pháp giảm nhẹ phát thải khí nhà kính phù hợp với hạn ngạch phát thải khí nhà kính được phân bổ; các cơ sở chưa được phân bổ hạn ngạch phát thải khí nhà kính có trách nhiệm xây dựng, thực hiện kế hoạch giảm nhẹ phát thải khí nhà kính cấp cơ sở theo quy định tại Điều 13 Nghị định này phù hợp với kế hoạch giảm nhẹ phát thải khí nhà kính cấp lĩnh vực.”
2	Tại điểm e Khoản 1, Điều 11: Kiểm kê khí nhà kính		“e) Báo cáo kết quả kiểm kê khí nhà kính định kỳ hai năm một lần của cơ sở bao gồm kết quả kiểm kê khí nhà kính của hai năm liên kế năm nộp báo cáo. ”

Đối với Cơ sở phát thải – Kiểm kê khí nhà kính

STT	Nội dung	Nghị định số 06/2022/NĐ-CP	Nghị định số 119/2025/NĐ-CP
3	Tại điểm b Khoản 4, Điều 11: Kiểm kê khí nhà kính	b) Tổ chức thực hiện kiểm kê khí nhà kính cấp cơ sở, xây dựng báo cáo kiểm kê khí nhà kính cấp cơ sở định kỳ hai năm một lần cho năm 2024 trở đi theo Mẫu số 06 Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định này gửi Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trước ngày 31 tháng 3 kể từ năm 2025 để thẩm định ;	b) Tổ chức thực hiện kiểm kê khí nhà kính cấp cơ sở, xây dựng báo cáo kiểm kê khí nhà kính cấp cơ sở định kỳ hai năm một lần cho năm 2024 trở đi theo Mẫu số 06 Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định này gửi Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trước ngày 31 tháng 3 kể từ năm 2025;
4	Tại điểm c, Khoản 4, Điều 11: Kiểm kê khí nhà kính		c) Các nhà máy nhiệt điện, cơ sở sản xuất sắt thép, cơ sở sản xuất xi măng thuộc danh mục cơ sở phát thải khí nhà kính phải thực hiện kiểm kê khí nhà kính do Thủ tướng Chính phủ ban hành xây dựng báo cáo kiểm kê khí nhà kính cấp cơ sở định kỳ hai năm một lần cho năm 2026 trở đi theo Mẫu số 06 Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định này. Cơ sở quy định tại điểm này không phải thực hiện quy định tại điểm b khoản này;

Đối với Cơ sở phát thải – Kiểm kê khí nhà kính

STT	Nội dung	Nghị định số 119/2025/NĐ-CP
5	Tại điểm d, Khoản 4, Điều 11: Kiểm kê khí nhà kính	d) Các cơ sở không thuộc đối tượng quy định điểm c khoản này được phân bổ hạn ngạch giai đoạn từ năm 2027 xây dựng báo cáo kiểm kê khí nhà kính định kỳ hai năm một lần thực hiện cho năm 2028 trở đi theo Mẫu số 06 Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định này. Cơ sở quy định tại điểm này không phải thực hiện quy định tại điểm b khoản này.”
6	Tại Khoản 6a, Điều 11: Kiểm kê khí nhà kính	6a. Thẩm định kết quả kiểm kê khí nhà kính các cơ sở được phân bổ hạn ngạch quy định tại điểm c, điểm d khoản 4 Điều này do đơn vị quy định tại Điều 14 Nghị định này thực hiện. Cơ sở được phân bổ hạn ngạch gửi Bộ Nông nghiệp và Môi trường báo cáo kết quả kiểm kê khí nhà kính đã được thẩm định trước ngày 01 tháng 12 kể từ năm 2027

Đối với Cơ sở phát thải – Kế hoạch giảm nhẹ phát thải

STT	Nội dung	Nghị định số 06/2022/NĐ-CP	Nghị định số 119/2025/NĐ-CP
7	Tại điểm b, Khoản 4, Điều 13: Kế hoạch giảm nhẹ phát thải KNK cấp cơ sở	b) Xây dựng, phê duyệt kế hoạch giảm nhẹ phát thải khí nhà kính giai đoạn từ năm 2026 đến hết năm 2030, điều chỉnh, cập nhật hằng năm (nếu có) gửi Bộ Tài nguyên và Môi trường , bộ quản lý lĩnh vực quy định tại khoản 2 Điều 5 Nghị định này và cơ quan chuyên môn có liên quan trực thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trước ngày 31 tháng 12 năm 2025.	b) Xây dựng, phê duyệt kế hoạch giảm nhẹ phát thải khí nhà kính giai đoạn từ năm 2026 đến hết năm 2030, điều chỉnh, cập nhật hằng năm (nếu có) gửi Bộ Nông nghiệp và Môi trường , bộ quản lý lĩnh vực quy định tại khoản 2 Điều 5 Nghị định này và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trước ngày 31 tháng 12 năm 2025.

LỘ TRÌNH PHÂN BỐ HẠN NGẠCH

+

•

0

Giai đoạn 1: Dự kiến thí điểm cho khoảng 110 cơ sở phát thải lớn thuộc các lĩnh vực nhiệt điện, sản xuất sắt thép và xi măng.

Giai đoạn 3

2027–2028

2025–2026

2029–2030

Giai đoạn 2

Đối với Cơ sở phát thải – Phương pháp xác định hạn ngạch

Các cơ sở phát thải khí nhà kính được phân bổ hạn ngạch quy định tại **điểm a khoản 1, Điều 12** Nghị định này, cụ thể:

- Nhà máy nhiệt điện: **các nhà máy nhiệt điện than, dầu và khí;**
- Cơ sở sản xuất sắt thép: **các cơ sở sản xuất thép thô;**
- Cơ sở sản xuất xi măng: **các cơ sở sản xuất clinker.**

Hạn ngạch phát thải khí nhà kính phân bổ cho cơ sở được tính theo công thức sau:

$$Aa,y = Pa,(y-1;y-2;y-3) \times B \times T$$

Trong đó:

Aa,y : Hạn ngạch phát thải khí nhà kính phân bổ cho cơ sở **a** trong năm **y** (tCO₂td).

$Pa,(y-1;y-2;y-3)$: Sản lượng trung bình của cơ sở **a** sản xuất trong **năm y-1, y-2, y-3** (đơn vị tính sản phẩm, như: kWh điện đối với nhà máy nhiệt điện; tấn thép thô đối với cơ sở sản xuất sắt thép; tấn clinker đối với cơ sở sản xuất xi măng...).

B : Lượng phát thải khí nhà kính trung bình trên một đơn vị sản phẩm của các cơ sở thuộc lĩnh vực (cơ sở 1 đến cơ sở *n*) được phân bổ hạn ngạch (tCO₂td/một đơn vị sản phẩm)

Đối với Cơ sở phát thải – Phương pháp xác định hạn ngạch

$$B = \left(\sum_1^n E_{(y-1;y-2;y-3)} \right) / \left(\sum_1^n P_{(y-1;y-2;y-3)} \right)$$

Trong đó:

E (y-1;y-2;y-3): Phát thải trung bình của cơ sở a trong năm y-1, y-2, y-3 (tấn CO₂td) được xác định trên cơ sở hướng dẫn của bộ quản lý lĩnh vực.

T: Hệ số điều chỉnh hạn ngạch của các cơ sở thuộc lĩnh vực được xác định trên cơ sở lộ trình giảm phát thải KNK của cơ sở, trình độ công nghệ, năng lực tài chính, các hoạt động giảm phát thải đã thực hiện, phù hợp với mục tiêu giảm phát thải của lĩnh vực bao gồm trong Đóng góp do quốc gia tự quyết định. Các bộ quản lý lĩnh vực xác định hệ số điều chỉnh hạn ngạch cho cơ sở được phân bổ hạn ngạch. Hệ số T được xác định theo công thức sau:

$$T = (1 + g) \times (1 - r)$$

Trong đó:

g: Mục tiêu tăng trưởng của lĩnh vực trong giai đoạn phân bổ hạn ngạch.

r: Mục tiêu giảm phát thải KNK của lĩnh vực có xét đến lộ trình giảm phát thải KNK của cơ sở, trình độ công nghệ, năng lực tài chính, các hoạt động giảm phát thải cơ sở đã thực hiện trong giai đoạn phân bổ hạn ngạch.

Đối với Cơ sở phát thải – Phương pháp xác định hạn ngạch

Mức phát thải khí nhà kính trên đơn vị sản phẩm

Mục tiêu tăng trưởng của lĩnh vực

Mục tiêu giảm phát thải khí nhà kính của lĩnh vực

Theo kế hoạch sản xuất, kinh doanh

Tiềm năng giảm phát thải của cơ sở

Năng lực kỹ thuật, công nghệ và tài chính của Cơ sở trong giảm phát thải KNK

Đơn vị thẩm định kết quả kiểm kê và giảm nhẹ phát thải

STT	Nội dung	Nghị định số 119/2025/NĐ-CP
1	Điều 14: Đơn vị thẩm định kết quả kiểm kê KNK và thẩm định giảm nhẹ phát thải KNK	Đơn vị thẩm định kết quả kiểm kê khí nhà kính, thẩm định giảm nhẹ phát thải khí nhà kính là tổ chức được cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động xác nhận giá trị sử dụng, kiểm tra xác nhận theo quy định của pháp luật về điều kiện kinh doanh dịch vụ đánh giá sự phù hợp.”



Thị trường Các bon – Đối tượng thực hiện trao đổi, hỗ trợ

STT	Nội dung	Nghị định số 06/2022/NĐ-CP	Nghị định số 119/2025/NĐ-CP
1	Tại Điều 3 Giải thích từ ngữ	12. Sàn giao dịch tín chỉ các-bon là trung tâm xử lý các giao dịch về mua, bán tín chỉ các-bon, hạn ngạch phát thải khí nhà kính và đấu giá, vay mượn, nộp trả, chuyển giao hạn ngạch phát thải khí nhà kính. 18. Trao đổi hạn ngạch phát thải khí nhà kính và tín chỉ các-bon là hoạt động mua, bán, đấu giá, vay mượn, nộp trả, chuyển giao hạn ngạch, tín chỉ các-bon trên sàn giao dịch tín chỉ các-bon.	12. Sàn giao dịch các-bon là hệ thống trao đổi, giao dịch tập trung hạn ngạch phát thải khí nhà kính và tín chỉ các-bon. 18. Trao đổi hạn ngạch phát thải khí nhà kính và tín chỉ các-bon là hoạt động mua, bán hạn ngạch phát thải khí nhà kính, tín chỉ các-bon trên sàn giao dịch các-bon.”

Thị trường Các bon – Đối tượng thực hiện trao đổi, hỗ trợ

STT	Nội dung	Nghị định số 06/2022/NĐ-CP	Nghị định số 119/2025/NĐ-CP
1	Tại Điều 16 Đối tượng thực hiện trao đổi và hỗ trợ trao đổi	1. Cơ sở thuộc đối tượng quy định tại khoản 1 Điều 5 Nghị định này. 2. Tổ chức tham gia thực hiện cơ chế trao đổi, bù trừ tín chỉ các-bon trong nước, quốc tế phù hợp với quy định của pháp luật và điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên. 3. Tổ chức và cá nhân khác có liên quan đến hoạt động đầu tư, kinh doanh hạn ngạch phát thải khí nhà kính, tín chỉ các-bon trên thị trường các-bon.	1. Đối tượng thực hiện trao đổi hạn ngạch phát thải khí nhà kính là cơ sở được phân bổ hạn ngạch quy định tại Điều 12 Nghị định này. 2. Đối tượng thực hiện trao đổi tín chỉ các-bon là cơ quan, tổ chức trên lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam. 3. Đối tượng hỗ trợ giao dịch là các tổ chức cung cấp dịch vụ tài chính, hỗ trợ các hoạt động trao đổi hạn ngạch phát thải khí nhà kính, tín chỉ các-bon trên thị trường các-bon theo quy định pháp luật về sàn giao dịch các-bon trong nước.”

Thị trường Các bon – Lộ trình, thời điểm triển khai

STT	Nội dung	Nghị định số 06/2022/NĐ-CP	Nghị định số 119/2025/NĐ-CP
2	Tại Điều 17 Lộ trình phát triển, thời điểm triển khai thị trường các-bon trong nước	1. Giai đoạn đến hết năm 2027 a) Xây dựng quy định quản lý tín chỉ các-bon, hoạt động trao đổi hạn ngạch phát thải khí nhà kính và tín chỉ các-bon; xây dựng quy chế vận hành sàn giao dịch tín chỉ các-bon; b) Triển khai thí điểm cơ chế trao đổi, bù trừ tín chỉ các bon..... c) Thành lập và tổ chức vận hành thí điểm sàn giao dịch tín chỉ các-bon kể từ năm 2025; d) Triển khai các hoạt động tăng cường năng lực, nâng cao nhận thức về phát triển thị trường các-bon. 2. Giai đoạn từ năm 2028 a) Tổ chức vận hành sàn giao dịch tín chỉ các-bon chính thức trong năm 2028; b) Quy định các hoạt động kết nối, trao đổi tín chỉ các-bon trong nước với thị trường các-bon khu vực và thế giới.	1. Giai đoạn đến hết năm 2028 a) Thiết lập Hệ thống đăng ký quốc gia; b) Xây dựng, tổ chức vận hành thí điểm Sàn giao dịch các-bon trong nước; c) Triển khai cơ chế trao đổi, bù trừ tín chỉ các-bon trong nước; d) Triển khai các hoạt động tăng cường năng lực, nâng cao nhận thức về phát triển thị trường các-bon. 2. Giai đoạn từ năm 2029 a) Xây dựng và thực hiện cơ chế đấu giá hạn ngạch phát thải khí nhà kính; b) Hoàn thiện quy định quản lý tín chỉ các-bon, hoạt động trao đổi hạn ngạch phát thải khí nhà kính và tín chỉ các-bon; quy định pháp luật về tổ chức, quản lý, vận hành thị trường các-bon trong nước và tham gia thị trường các-bon thế giới."

C. MỘT SỐ KHUYẾN NGHỊ ĐỐI VỚI DOANH NGHIỆP

KHUYẾN NGHỊ ĐỔI VỚI DOANH NGHIỆP

1) Chủ động cập nhật và tuân thủ

- Thường xuyên cập nhật các cam kết quốc tế và pháp luật trong nước, đặc biệt là các quy định có liên quan tại Nghị định số 119/2025/NĐ-CP.
- Nắm vững quy định về kiểm kê khí nhà kính, phân bổ hạn ngạch và thị trường các-bon.
- Nghiên cứu kỹ các quy định liên quan đến giảm cường độ các-bon theo sản phẩm (CBAM của EU) để duy trì lợi thế cạnh tranh quốc tế.

2) Đổi mới công nghệ và tối ưu hóa sản xuất

- Đầu tư vào công nghệ sản xuất sạch hơn, sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả.
- Chuyển đổi từ năng lượng hóa thạch sang năng lượng tái tạo.
- Tối ưu hóa quy trình sản xuất để giảm lãng phí và phát thải, giúp giảm chi phí vận hành và tăng hiệu quả kinh tế.

KHUYẾN NGHỊ ĐỐI VỚI DOANH NGHIỆP

3) Tận dụng cơ hội từ thị trường các-bon

- Đối với các cơ sở được phân bổ hạn ngạch, việc lập kế hoạch giảm phát thải sẽ giúp giảm chi phí mua tín chỉ các-bon.
- Tham gia vào các dự án giảm phát thải để tạo ra và bán tín chỉ các-bon, tạo nguồn thu mới và đóng góp vào mục tiêu chung của quốc gia.

4) Nâng cao nhận thức và trách nhiệm xã hội

- Phát triển xanh và bền vững là yêu cầu bắt buộc để tồn tại và phát triển.
- Xây dựng chiến lược kinh doanh bền vững, thể hiện trách nhiệm xã hội.
- Thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường, sử dụng tài nguyên hiệu quả để nâng cao uy tín thương hiệu và thu hút các đối tác, nhà đầu tư quan tâm đến yếu tố ESG (Môi trường - Xã hội - Quản trị).

D. KẾT LUẬN

Chuyển đổi xanh là lộ trình tất yếu, mang tính quyết định cho tương lai kinh tế toàn cầu.

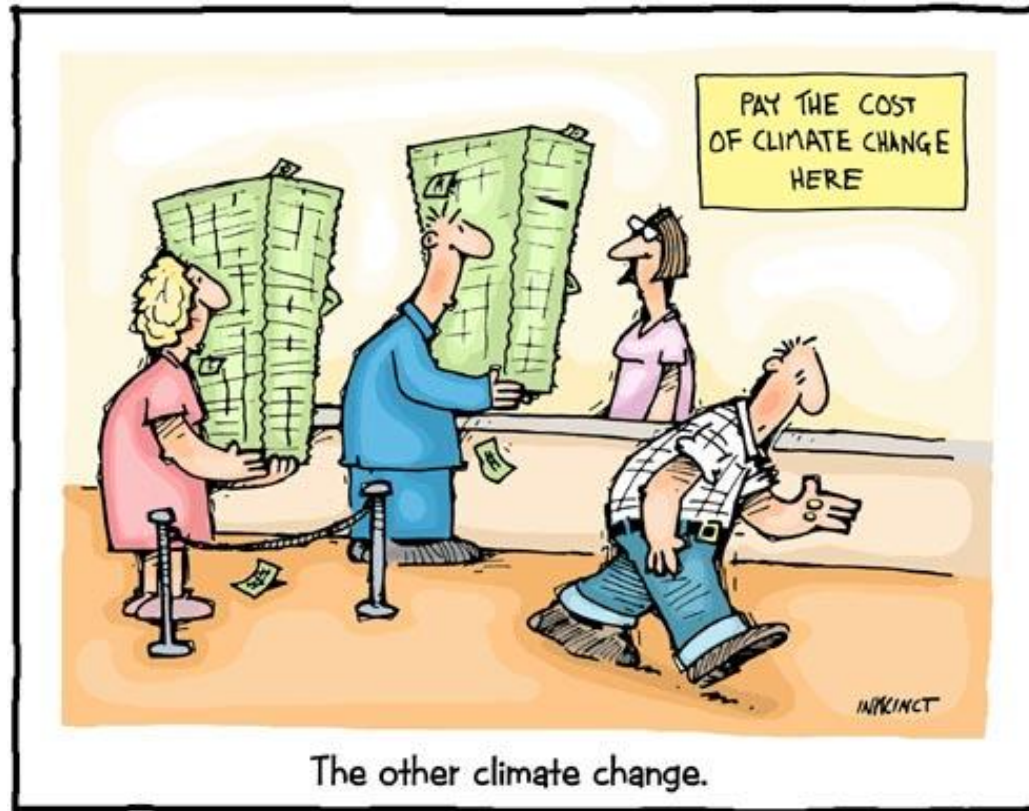
Các khuôn khổ **chính sách quốc tế và trong nước** của Việt Nam đang ngày càng **chặt chẽ và có tính ràng buộc cao**.

Những thay đổi này, dù **có thách thức**, nhưng mở ra **nhiều cơ hội lớn** cho doanh nghiệp Việt Nam.

Chủ động nắm bắt, đổi mới tư duy và chuyển dịch chiến lược kinh doanh theo hướng xanh, bền vững sẽ giúp doanh nghiệp **vượt qua các rào cản, nâng cao vị thế và tạo ra các giá trị ESG**.

Điều này không chỉ **củng cố năng lực cạnh tranh** mà còn **đóng góp** thiết thực vào mục **tiêu phát triển bền vững của quốc gia**.

TRÂN TRỌNG CẢM ƠN



Phòng Quản lý phát thải khí nhà kính và Bảo vệ tầng ô-dôn
Cục Biến đổi khí hậu, Bộ Nông nghiệp và Môi trường